|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH HÀ NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:……../2024/NQ-HĐND | *Hà Nam, ngày … tháng .... năm 2025* |
| **DỰ THẢO** |  |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng
kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất lúa trên địa bàn
tỉnh Hà Nam theo quy định tại** **Điều 15 Nghị định
số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

**KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.*

*Xét Tờ trình số…./TTr-UBND ngày…tháng….năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Hà Nam theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số …/BC-HĐND ngày … tháng … năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Hà Nam theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**

Hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Hà Nam theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

**Điều 4. Định mức hỗ trợ**

1. Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa

a) Hỗ trợ sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất

- Điều kiện hỗ trợ: Giống lúa sử dụng được hỗ trợ là giống hợp pháp theo quy định của pháp luật, có trong cơ cấu sản xuất trồng trọt theo vụ hàng năm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Định mức hỗ trợ: Theo quy định Định mức kinh tế kỹ thuật được ban hành kèm theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KH ngày 24/2/2022 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Về việc ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông trung ương.

b) Hỗ trợ cho việc áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn.

Nội dung, định mức hỗ trợ: Theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/05/2018 của Chính phủ về khuyến nông.

c) Hỗ trợ cho hoạt động liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm lúa gạo.

Nội dung, định mức hỗ trợ: Theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/07/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2. Hỗ trợ cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa

Nội dung, định mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% chi phí mua chế phẩm, các loại phân bón hữu cơ để cải tạo đất lúa.

- Hỗ trợ 100% kinh phí chi phí cho việc tôn tạo, san phẳng mặt ruộng khi sử dụng lớp đất mặt từ nơi chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa sang phi nông nghiệp để tăng độ dày tầng canh tác đất nông nghiệp (trong đó có đất lúa) nơi chuyển đến.

3. Hỗ trợ đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần

Định mức hỗ trợ: Chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hỗ trợ sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã

Định mức hỗ trợ: Chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ

Hỗ trợ 50% kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ, nhưng không quá 1 tỷ đồng/giống.

**Điều 5. Phân bổ và sử dụng kinh phí**

Căn cứ định mức hỗ trợ quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này; kế hoạch, chương trình, đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm; khả năng cân đối và tình hình thực tế phân bổ kinh phí cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện để thực hiện các hoạt động sau:

1. Cấp tỉnh:

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

b) Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;

c) Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

2. Cấp huyện:

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

b) Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;

c) Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần;

d) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam Khoá XIX, Kỳ họp thứ ... *(Kỳ họp chuyên đề năm 2025)* thông qua ngày ... tháng... năm 2025 và có hiệu lực từ ngày...tháng... năm 2025. Các quy định tại Tiết 3.2 Khoản 3 Mục X Chương I và tại Tiết 3.3 Khoản 3 Mục VII Chương II Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của HĐND tỉnh Hà Nam hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- UBTV Quốc hội; - Chính phủ;- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;- UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;- Đoàn ĐBQH tỉnh; - Các Ban, các Tổ, các ĐB HĐND tỉnh;- Các Sở, ban, ngành;- TT HĐND; UBND các huyện, TX, TP;- Công báo tỉnh;- Lưu: VT. |  **CHỦ TỊCH** **Lê Thị Thủy** |